

Bản án số: 42/2023/DS-ST

Ngày: 21-07-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN F HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân F:

1. Ông Nguyễn Hữu Huân

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn-Thư ký Tòa án nhân F huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân F huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân F huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án F sự thụ lý số: 126/2022/TLST- HĐMBTS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về: Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 05 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 06 năm 2023; Thông báo thay đổi ngày xét xử số 126/2023/TB-TA ngày 03 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Chu Văn P, sinh năm 1970; có mặt

Địa chỉ: Tổ F phố P Lạn 4, thị trấn P Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trương Công Đ (tức Trương Văn Đ, sinh ngày 15/01/1963; có mặt

2.2. Bà Đào Thị F, sinh năm 1964; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H (nay là thôn Q), xã E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1979; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ F phố P Lạn 4, thị trấn P Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Chu Văn P trình bày: Từ ngày 12/10/2016, vợ chồng ông có bán thức ăn chăn nuôi gia cầm (cám) cho vợ chồng ông Trương Văn Đ, bà Đào Thị F để chăn nuôi vịt. Các bên không lập hợp đồng, mà mỗi lần giao hàng cho vợ chồng ông Đ, bà F ký vào quyền sở giao nhận hàng của vợ chồng ông. Có lần nhận hàng xong, ông Đ hoặc bà F trả tiền ngay, có lần nợ lại một ít. Đến ngày 22/07/2018, vợ chồng ông Đ còn nợ tiền mua cám là 238.980.000 đồng. Từ tháng 08/2018, vợ chồng ông Đ không mua thức ăn chăn nuôi gia cầm của vợ chồng ông nữa. Ngày 26/01/2019, vợ chồng ông Đ trả vợ chồng ông 125.000.000 đồng, còn nợ lại 113.980.000 đồng. Từ đó

đến nay vợ chồng ông đi lại đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ không trả. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Trương Văn Đ, bà Đào Thị F phải thanh toán trả vợ chồng ông số tiền 113.980.000đ và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 26/01/2019 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Văn Đ trình bày: Từ năm 2016, vợ chồng ông có mua thức ăn chăn nuôi gia cầm của vợ chồng ông Chu Văn P, bà Hoàng Thị M để chăn nuôi gà, vịt. Mỗi lần giao nhận hàng, các bên không lập văn bản, chỉ ký vào sổ giao hàng của vợ chồng ông P, lần vợ chồng ông trả tiền hết ngay, có lần nợ lại, lần thì ông ký nhận, lần thì vợ ông ký nhận. Từ tháng 10/2016, do vợ chồng ông làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông P không giao hàng cho vợ chồng ông nữa và các bên chốt nợ, vợ chồng ông còn nợ vợ chồng ông P số tiền là 600.000.000 đồng. Số tiền này vợ chồng ông trả dần đến tháng 07/2021 thì dừng lại. Các lần trả, ông đều ký xác nhận vào sổ của vợ chồng ông P. Đến ngày 26/01/2019, vợ chồng ông còn nợ vợ chồng ông P, bà M số tiền là 113.980.000 đồng. Nay ông Chu Văn P yêu cầu vợ chồng ông phải trả vợ chồng ông P số tiền trên và lãi suất chậm trả 10%/năm từ ngày 26/01/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ông đồng ý trả số tiền gốc, nhưng do kinh tế gia đình ông đang khó khăn nên ông xin được trả, còn tiền lãi ông không đồng ý trả.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là bà Đào Thị F nhất trí với lời khai của chồng bà là ông Trương Văn Đ. Do công việc bận nên bà xin vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hoàng Thị M nhất trí với ý kiến của chồng bà là ông Chu Văn P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng F sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Trương Văn Đ, bà Đào Thị F phải liên đới trả cho vợ chồng ông Chu Văn P, bà Hoàng Thị M số tiền là 113.980.000 đồng.

- Về án phí: Ông Trương Văn Đ, bà Đào Thị F phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, gọi chung là “Tranh chấp hợp đồng F sự” quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng F sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng F sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân F huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Thị F; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng F sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Từ năm 2016 đến năm 2019, vợ chồng ông Chu Văn P, Hoàng Thị M là đại lý kinh doanh thức ăn chăn nuôi, có bán thức ăn (cám) chăn nuôi gia cầm cho vợ ông Trương Văn Đ, bà Đào Thị F nhiều lần. Các bên không lập hợp đồng, nhưng mỗi lần hàng ông Đ hoặc bà F đều có ký nhận vào sổ giao hàng do vợ chồng ông P giữ, có lần vợ chồng ông Đ trả tiền ngay, có lần nợ lại một ít. Đến tháng 08/2018, các bên dừng việc mua bán với nhau. Đến ngày 26/01/2019, các bên chốt nợ, vợ chồng ông Trương Văn Đ, bà Đào Thị F còn nợ vợ chồng ông Chu Văn P, bà Hoàng Thị M 113.980.000 đồng. Vợ chồng ông P đã đi lại đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 Bộ luật F sự. Điều 440 Bộ luật F sự quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản”.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn P là có căn cứ, được chấp nhận. Buộc vợ chồng ông Trương Công Đ, bà Đào Thị F phải liên đới trả vợ chồng ông Chu Văn P, bà Hoàng Thị M số tiền mua cám còn nợ là 113.980.000 đồng.

Về tiền lãi: Trong giai đoạn chuẩn bị xét, ông Chu Văn P yêu cầu vợ chồng ông Trương Công Đ, bà Đào Thị F phải trả tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc từ 26/01/2019 cho đến khi Tòa án xét xử. Tại phiên tòa, ông Chu Văn P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng F sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Trương Công Đ, bà Đào Thị F phải chịu 5% án phí trên số nợ phải trả vợ chồng ông Chu Văn P (113.980.000 đồng x 5%) là 5.699.000 đồng. Tuy nhiên, ông Trương Công Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Đ được miễn án phí F sự sơ thẩm; bà Đào Thị F phải chịu (½ án phí của số tiền 5.699.000 đồng) 2.849.500 đồng án phí F sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Chu Văn P 2.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án F sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số: 0014182 ngày 09/11/2022.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng F sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật F sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng F sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Chu Văn P. Buộc ông Trương Công Đ, bà Đào Thị F phải liên đới trả nợ chồng ông Chu Văn P, bà Hoàng Thị M số tiền mua cám còn nợ là 113.980.000đ (một trăm mười ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật F sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án F sự thì người được thi hành án F sự, người phải thi hành án F sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án F sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án F sự.

2. Về án phí: Miễn án phí F sự sơ thẩm cho ông Trương Công Đ; bà Đào Thị F phải chịu 2.849.500 đồng án phí F sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Chu Văn P 2.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án F sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số: 0014182 ngày 09/11/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân